

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-01-2018
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình
về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trọng Nhân.

Bà Trần Ánh Nhạn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dân – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 643/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị S, sinh năm: 1964 “Có mặt”.

Bị đơn: Ông Ngô Văn T, sinh năm: 1962 “Vắng mặt”.

Cùng địa chỉ: Tổ M, ấp X, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 10 năm 2017 và qua các lần làm việc cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Phan Thị S trình bày: Bà và chồng bà là ông Ngô Văn T chung sống với nhau vào năm 1978, có tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện, không tổ chức lễ cưới chỉ làm lễ phạt, ngày phạt gia đình chồng có cho bà 01 đôi bông tai hơn 02 phân vàng 18k, hiện tại không còn; vợ chồng chung sống không có đăng ký kết hôn. Sau khi đến với nhau vợ chồng sống cùng với cha mẹ chồng sống tại ấp X, xã P, huyện G, khoảng 01 năm sau cha

mẹ bà cho đất nên vợ chồng cất nhà ra riêng, hiện tại nhà đất không còn do vợ chồng bà đã bán.

Vợ chồng có 02 con chung gồm Ngô Thị Hồng D, sinh năm: 1979 và Ngô Thị Hồng H, sinh năm: 1991, các con bà đều đã thành niên và tự lao động sinh sống được.

Vợ chồng chung sống không có tài sản chung cũng như không có nợ chung.

Vợ chồng bà từ khi cưới nhau đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ. Chồng bà thường xuyên uống rượu dẫn đến bị nghiện rượu, từ đó ông hay kiêu có đánh bà rất nhiều lần. Tháng 10-2017 bà bỏ nhà đến nhà chị bà sống nhờ và vợ chồng ly thân cho đến nay, vợ chồng không ai có thiện chí hàn gắn gia đình. Trước đây, bà đã có 01 lần gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhưng sau đó bà rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ nhưng chồng bà vẫn không thay đổi tính tình. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: 02 con chung của ông bà đều đã thành niên tự lao động sinh sống được nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 12 năm 2017, bị đơn ông Ngô Văn T trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà S về thời gian vợ chồng chung sống, việc vợ chồng chung sống không có đăng ký kết hôn, về con chung, về tài sản chung và nợ chung bà S trình bày tất cả đều đúng.

Về mâu thuẫn do vợ ông ham mê cờ bạc (đánh số đề), từ đó vợ chồng có gây gổ nên vợ ông bỏ nhà đi từ tháng 10-2017, ông không có đánh vợ như lời bà S trình bày. Nay vợ ông yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì vợ chồng đều đã lớn tuổi, mặt khác nếu ly hôn thì ông không có nơi để sinh sống.

Về con chung: Nếu tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của vợ ông thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

Qua xác minh thu thập chứng tại địa phương thể hiện vợ chồng ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, do ông T thường xuyên uống rượu, bà S thì cờ bạc, vợ chồng hay gây gổ xô xát nhau nhiều lần chính quyền địa phương phải giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Đối với ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S đối với ông T. Về con chung: các con ông bà đều đã thành niên và có khả năng lao động được, ông bà không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Ngô Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Bà S và ông T chung sống không có đăng ký kết hôn. Nhưng hôn nhân của ông bà được xác lập từ năm 1978. Căn cứ vào điểm a khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì hôn nhân của ông bà là hôn nhân thực tế, do đó hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay bà S có yêu cầu ly hôn Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét mâu thuẫn giữa ông bà thì thấy: Qua lời trình bày của các đương sự cũng như qua xác minh những người làm chứng Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa ông bà là do ông T thường xuyên uống rượu, chửi mắng và đánh vợ, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, nhiều lần chính quyền địa phương giải quyết, ngoài ra mâu thuẫn vợ chồng còn do bà S cờ bạc nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Ông bà ly thân từ tháng 10-2017 cho đến nay, không ai có thiện chí hàn gắn gia đình. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S đối với ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: 02 con chung của ông bà gồm: Ngô Thị Hồng D, sinh năm: 1979 và Ngô Thị Hồng H, sinh năm: 1991, đều đã thành niên và tự lao động sinh sống được. Ông bà không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông bà không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí*: Bà S phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân, theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1/. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị S với ông Ngô Văn T. Bà S được ly hôn với ông T

2/. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- *Về con chung*: Các con chung của ông bà gồm: Ngô Thị Hồng D, sinh năm: 1979 và Ngô Thị Hồng H, sinh năm: 1991, đều đã thành niên và có khả năng lao động được. Ông bà không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông bà không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3/ Về án phí: Bà S chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012707 ngày 30-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Bà S đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Phước Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Vân Quỳnh